

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thúc và ông Bùi Ngọc Khánh.
 - ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
 - ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.
- Ngày 19/7/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu B, sinh năm 1990 – vắng mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng C, sinh năm 1987 – vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Hẻm X, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B trình bày có nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Hồng C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 04/6/2013 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xung đột nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 06/9/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu U cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nh cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị B và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2022, bị đơn anh Nguyễn Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 06/9/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu U cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nh cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 25/01/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 09/02/2022 Tòa án thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên, ngày 14/02/2022 nguyên đơn có văn bản từ chối lựa chọn thủ tục hòa giải tại Tòa án, ngày 17/02/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 23/02/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 04/6/2013. Sau khi kết hôn chị B và anh C sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị B và anh C đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B và anh C thì địa phương xác định: Về tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh C có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được, hiện tại vợ chồng anh C và chị B đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị B và anh C cùng có ý kiến đồng ý ly hôn nên giải quyết cho chị B ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 06/9/2017; chị B và anh C đều yêu cầu giao cháu U cho chị B, giao cháu Nh cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được chăm sóc các con của chị B và anh C là chính đáng, bản thân cháu U cũng có nguyện vọng ở với chị B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu U, giao cháu Nh cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu B được ly hôn với anh Nguyễn Hồng C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 14/8/2013 cho chị Phạm Thị Thu B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Ngọc An Nh, sinh ngày 06/9/2017 cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Chị B và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Thu B và anh Nguyễn Hồng C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thu B và anh Nguyễn Hồng C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008504 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh